



**CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
**TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh

ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522

Website: [www.biwase.com.vn](http://www.biwase.com.vn)

Email: [ptnctnm@biwase.com.vn](mailto:ptnctnm@biwase.com.vn)



**BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số mẫu: NC 01/06.05.2026

Ngày phát hành kết quả: 11/05/2026

- Tên khách hàng: **Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước**
- Tên mẫu: Nước sau xử lý - Bể chứa
- Địa chỉ: Tổ 1, khu phố Mỹ Hưng, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Ngày nhận mẫu: 06/05/2026
- Ngày phân tích: 06/05/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

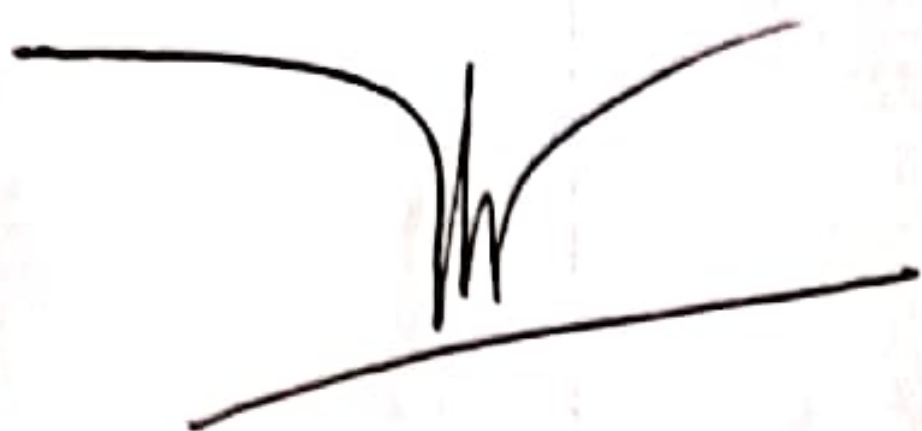
| Số TT | Chỉ tiêu phân tích                                                   | Đơn vị    | Phương pháp thử    | QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả thử nghiệm      |
|-------|----------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|-------------------------|
| 1     | Coliform tổng số*                                                    | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019   | < 1                | 0                       |
| 2     | E. coli*                                                             | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019   | < 1                | 0                       |
| 3     | Clo dư tự do                                                         | mg/L      | SMEWW 4500-Cl:2023 | 0,2 – 1,0          | 0,35                    |
| 4     | Độ đục*                                                              | NTU       | SMEWW 2130-B:2023  | ≤ 2                | 0,22                    |
| 5     | Màu sắc                                                              | Pt-Co     | TCVN 6185:2015     | ≤ 15               | 0                       |
| 6     | Mùi                                                                  | -         | Cảm quan           | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ         |
| 7     | pH*                                                                  | -         | TCVN 6492:2011     | 6,0 – 8,5          | 7,28                    |
| 8     | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)* | mg/L      | HACH Method 8038   | ≤ 1                | 0,06                    |
| 9     | Permanganat*                                                         | mg/L      | TCVN 6186:1996     | ≤ 2                | 0,26                    |
| 10    | Mangan (Mn)*                                                         | mg/L      | HACH Method 8149   | ≤ 0,1              | KPH<br>(LOD: 0,02 mg/L) |
| 11    | Nhôm (Aluminium) (Al)*                                               | mg/L      | HACH Method 8012   | ≤ 0,2              | 0,12                    |
| 12    | Sắt (Ferrum) (Fe)*                                                   | mg/L      | HACH Method 8008   | ≤ 0,3              | KPH<br>(LOD: 0,02 mg/L) |
| 13    | Tổng chất rắn hòa tan (TDS)                                          | mg/L      | Đầu dò cảm biến    | ≤ 1000             | 39                      |

**\* Ghi chú:**

+ QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

+ KPH: Không phát hiện.

- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

**Quản lý chất lượng****Trần Thanh Trúc****Giám Đốc****Mai Thị Đẹp**